

Bản án số: **01/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/3/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quốc Hùng và ông Trần Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Nhac – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số nhà 35 đường TVC, tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số nhà 35 đường TVC, tổ 2, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 11 tháng 11 năm 2020, lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) TL, huyện HT, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 10 tháng 09 năm 2008. Quá trình chung sống với nhau tại Số nhà 35 đường TVC, tổ 2, phường TL, thị xã HT tỉnh Thừa Thiên Huế thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng và ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xâu ầu lẫn nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 23/6/2009 và cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 13/02/2015. Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Phạm Minh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc B và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Phạm Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10 tháng 09 năm 2008 tại UBND xã (nay là phường) TL. Sau khi kết hôn thì sống tại Số nhà 35 đường TVC, tổ 2, phường TL, thị xã HT tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh một số mâu thuẫn giữa vợ chồng và ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân mấy tháng nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là về vấn đề kinh tế do anh H ham chơi, tiêu tán tài sản chung của vợ chồng. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh H cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh Phạm Minh H công nhận vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 23/6/2009 và cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 13/02/2015. Anh H đề nghị Tòa án giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Phạm Minh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Minh H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Minh H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm B, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh

Phạm Minh H. Giao cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 23/6/2009 cho anh Phạm Minh H và cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 13/02/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Buộc chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N, anh Phạm Minh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh H và chị N.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) TL, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 10 tháng 09 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân chị N và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H chung sống với nhau tại số nhà 35 đường TVC, tổ 2, phường TL, thị xã HT tỉnh Thừa Thiên Huế, thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng và ngày càng trầm trọng, vợ chồng có xảy ra xô xát nhau; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là anh H ham chơi, tiêu tán tài sản chung của vợ chồng nên chị N làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng chị N và anh H không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, hiện hai người vẫn sống ly thân, cuộc sống của ai tự lo liệu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị N có đơn xin ly hôn anh H và anh H cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Minh H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H đều công nhận vợ chồng có 02 người con chung là cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 23/6/2009 và cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 13/02/2015. Hai bên đều thỏa thuận giao cháu Phạm Quốc T cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao Phạm Quốc B cho anh Phạm Minh H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Phạm Quốc T đang ở với chị N, cháu Phạm Quốc B hiện nay đang ở với anh H.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H đều trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Minh H.

2. Về con chung và việc nuôi con chung: Giao cho anh Phạm Minh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 23/6/2009 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi; Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 13/02/2015 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Phạm Quốc T đang ở với chị N, cháu Phạm Quốc B hiện nay đang ở với anh H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Minh H đều trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001207 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị N đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường TL (ĐKKH ngày 10/09/2008)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dân án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Văn Phú

